

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2020
V/v: “ Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Dư Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa: Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 100/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 02 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N – Sinh năm: 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu H – Sinh năm: 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố 7, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày: Chị và anh H tự tìm hiểu quen biết trước và tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ khi chị sinh đứa con đầu thì mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh và xung đột vợ chồng ngày tăng dần. Nguyên nhân anh H không lo chí thú làm ăn, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình lâm vào cảnh nợ nần. Chị đã cố chịu đựng khuyên nhủ anh H nhưng anh H vẫn không thay đổi, nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ

tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian qua, giữa chị và anh H cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên nhận thấy tiếp tục duy trì hôn nhân giữa chị và anh H cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, chị yêu cầu được ly hôn anh H. Về con chung, chị xác định chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Hồ Thanh N, sinh ngày 13/6/2012 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/11/2015. Hiện cháu N sống với anh H, cháu B sống với chị. Về con, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con nhưng đề nghị xem xét theo nguyện vọng của con. Nếu con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu H không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị N

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thẩm phán còn vi phạm về thời hạn xét xử nên đề nghị chủ động hơn đối với những vụ việc sau.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị N và anh H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn và được chứng nhận kết hôn. Chị N cho rằng anh H không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, chị đã khuyên nhủ nhưng anh H vẫn không thay đổi, nên chị N yêu cầu ly hôn anh H. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân của anh chị cũng không có kết quả tốt đẹp, tình cảm của chị N đối với anh H không còn. Dù anh, chị có cố gắng cải thiện mối quan hệ vợ chồng tốt đẹp, nhưng không đạt được kết quả. Đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N được ly hôn với anh H. Về con chung, chị N xác định có hai con chung, hiện cháu Nhật đang sống với anh H, cháu Bảo sống với chị N, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, riêng cháu N xem xét theo nguyện vọng của cháu. Tại bản khai cháu N có nguyện vọng ở với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử giao cháu N cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, cháu B giao chị N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung chị N không yêu cầu nên đề nghị miễn xét.

Về án phí: Buộc chị N nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện xin ly hôn với anh H nên đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh H có địa chỉ cư trú tại huyện Giồng Riềng nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Nguyễn Hữu H với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H

có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Nguyễn Hữu H, Hội đồng xét xử xét thấy anh chị tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn vào ngày 04/4/2011 nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị N xác định thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì mâu thuẫn phát sinh và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn, hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H không lo chí thú làm ăn, đam mê cờ bạc, làm cho kinh tế gia đình ngày càng trở nên kiệt quệ. Chị N đã cố chịu đựng mong anh H sửa đổi nhưng vẫn vậy nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột từ tháng 7 năm 2019. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, đã thông báo cho anh H về các yêu cầu của chị N nhưng anh H không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Nhưng anh H đã không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Mặc dù, nguyên nhân mâu thuẫn chỉ do chị N trình bày nhưng hiện tại giữa anh chị đã không còn chung sống vợ chồng từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay. Và kể từ thời điểm chị N khởi kiện, chị N và anh H cũng không có thiện chí và đưa ra biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng minh rằng anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N ly hôn với anh H.

[2.2]. Về con chung: Chị N xác định chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Hồ Thanh N, sinh ngày 13/6/2012 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/11/2015. Hiện cháu N sống với anh H, cháu Bảo sống với chị N. Chị N yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con nhưng đề nghị xem xét theo nguyện vọng của con. Nếu con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, không ai phải cấp dưỡng. Anh H không ý kiến gì đối với con chung. Xét trình bày của chị N, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy khai sinh của con do chị N cung cấp thể hiện chị N và anh H là cha mẹ của hai cháu N và B nên khẳng định cháu Nguyễn Hồ Thanh N và Nguyễn Quốc B là con chung của chị N và anh H. Xét yêu cầu của chị N về việc được quyền nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Tuy nhiên, trong phiên họp công khai chứng cứ, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B.

Riêng cháu N nên xét theo nguyện vọng của cháu. Xét thấy, kể từ khi anh chị sống ly thân nhau, cháu B sống với chị N, cháu vẫn phát triển tốt, còn cháu N sống với anh H, cháu phát triển tốt về mọi mặt. Anh H cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị N. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng của cháu N, cháu có nguyện vọng sống với cha nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hồ Thanh N, sinh ngày 13/6/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/11/2015 cho chị N nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

[2.3] Về tài sản và nợ chung, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm chị N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003104 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn anh Nguyễn Hữu H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Hồ Thanh N, sinh ngày 13/6/2012 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng (xét theo nguyện vọng của cháu Nhật được ở với anh H)

Giao cháu Nguyễn Quốc B, sinh ngày 29/11/2015 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị N, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh H có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003104 ngày 13 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa